

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THUỐC VÀ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN
KÊ ĐƠN THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH TRÚNG CÁ THÔNG THƯỜNG
TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2022**

Nguyễn Thị Minh Thu^{1}, Huỳnh Lê Thiện Vũ²,
Nguyễn Minh Cường³, Lê Tấn Đức⁴*

1. Trường Đại Học Tây Đô

2. Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ

3. Trường Đại học Nam Cần Thơ

**Email: minhthuct4@gmail.com*

Ngày nhận bài: 23/05/2023

Ngày phản biện: 13/7/2023

Ngày duyệt đăng: 31/7/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Bệnh trứng cá thông thường là bệnh da thường gặp nhất trong thực hành lâm sàng của thầy thuốc da liễu, chiếm tỷ lệ 80-85% ở người trưởng thành và gây ảnh hưởng nhiều đến tâm lý và chất lượng cuộc sống người bệnh. Việc lựa chọn thuốc điều trị là vấn đề hết sức quan trọng đối với hiệu quả điều trị. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 292 bệnh nhân trứng cá thông thường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Tỉ lệ sử dụng nhóm kháng sinh chiếm tỉ lệ cao nhất 58,2%, ít nhất nhóm hormon 5,3%. Tỉ lệ kê đơn không hợp lý chung về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định chiếm 19,5% và hợp lý chiếm 80,5%. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trình độ chuyên môn và thời gian công tác của bác sĩ kê đơn với kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý với $p < 0,05$. **Kết luận:** Mụn trứng cá là bệnh rất thường gặp, làm suy giảm đáng kể đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Việc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh trứng cá an toàn, hiệu quả và kinh tế là một trong những điều mà dược sĩ, bác sĩ cũng như người bệnh quan tâm.

Từ khoá: Bệnh trứng cá thông thường, điều trị ngoại trú, yếu tố liên quan

ABSTRACT

**THE SITUATION OF DRUG USE AND RELATED FACTORS TO
PRESCRIPTIONS FOR ACNES VULGARIS TREATMENT
AT CAN THO DERMATO-VENEREOLGY HOSPITAL IN 2022**

Nguyen Thi Minh Thu^{1}, Huynh Le Thien Vu²,
Nguyen Minh Cuong³, Le Tan Duc⁴*

1. Tay Do University

2. Can Tho Gynecology and Obstetrics Hospital

3. Nam Can Tho University

Background: Acnes vulgaris is the most common skin disease in the clinical practice of dermatologists, accounting for 80-85% in adults and greatly affecting the psychology and quality of life of patients. The choice of drug therapy is a very important issue for the effectiveness of treatment. **Objectives:** To determine the irrational use of acnes vulgaris and some related factors. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was performed on 292 acnes vulgaris patients treated as outpatients at Can Tho Dermato-Venereology Hospital. **Results:** The rate of using antibiotic group accounted for the highest rate of 58.2%, at least 5.3% of hormone group. The rate of inappropriate prescribing in terms of indications, doses, times of administration, time of drug

use and contraindications accounted for 19.5% and reasonable accounted for 80.5%. There is a statistically significant difference between the professional qualifications and working time of the prescribing doctor and the prescription of common acne medications that are not reasonable with $p < 0.05$. **Conclusions:**–*Acnes vulgaris* is a very common disease that significantly reduces the quality of life of patients. The use of drugs in the treatment of *acnes vulgaris* safely, effectively, and economically is one of the things that pharmacists, doctors as well as patients are interested in.

Keywords: *Acne vulgaris*, outpatient treatment, related factors

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mụn trứng cá là bệnh rất thường gặp, chiếm tỉ lệ 80-85% ở người trưởng thành và gây ảnh hưởng nhiều đến tâm lý và chất lượng cuộc sống người bệnh [1]. Chẩn đoán bệnh trứng cá trên lâm sàng không khó, nhưng việc điều trị còn gặp nhiều khó khăn do rất nhiều bệnh nhân đã tự điều trị và điều trị không đúng, dẫn đến kết quả bệnh nặng lên [2].

Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ là cơ sở điều trị bệnh da liễu lớn của Đồng bằng Sông Cửu Long và khu vực. Hàng năm số lượng bệnh nhân được chẩn đoán và điều trị bệnh trứng cá thông thường mức độ nặng chiếm tỉ lệ khá cao so với tổng số các bệnh nhân vào đây điều trị. Việc lựa chọn thuốc điều trị là vấn đề hết sức quan trọng đối với hiệu quả điều trị. Làm thế nào để sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá an toàn, hiệu quả và kinh tế là một trong những điều mà dược sĩ, bác sĩ cũng như người bệnh quan tâm. Do đó đề tài: “Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ năm 2022” được tiến hành với mục tiêu nghiên cứu: Xác định tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đơn thuốc của bệnh nhân được chẩn đoán xác định là mắc bệnh trứng cá thông thường đến khám và điều trị tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ. Thời gian lấy mẫu từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 tại khoa Khám bệnh - Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Đơn thuốc được chẩn đoán xác định là mắc bệnh trứng cá thông thường đến khám và điều trị ngoại trú tại Khoa khám bệnh và có đầy đủ thông tin được lưu trữ tại khoa Dược - Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ từ tháng 01/01/2022 đến 30/06/2022. Các bác sĩ được phân công trực tiếp khám bệnh ngoại trú tại khoa Khám bệnh.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đơn thuốc có tẩy xóa. Đơn thuốc của bệnh nhân là phụ nữ có thai, cho con bú. Các bác sĩ phụ trách khám bệnh ngoại trú trong thời gian đi học.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:**

Cỡ mẫu cho mục tiêu 1 và 2:
$$n_1 = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z_{1-\alpha/2}=1,96$, $d=0,05$, p là tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý trên bệnh nhân ngoại trú. Theo kết quả nghiên cứu của Trịnh Tiên Thành và cộng sự ở Khoa khám bệnh-Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm

2019 cho thấy tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý là 22% [3f], nên chọn $p=0,22$. Thay vào công thức ta tính được $n=264$, để tránh các trường hợp mẫu nghiên cứu không đạt yêu cầu nhóm chúng tôi thu thập thêm thêm 10% đơn thuốc vào trong mẫu (28 đơn thuốc). Do đó mẫu cần thiết là 292 đơn thuốc, $n_1 = 292$ đơn thuốc.

Cỡ mẫu cho mục tiêu 2: Chọn mẫu toàn bộ các bác sĩ được phân công trực tiếp khám bệnh ngoại trú tại khoa Khám bệnh Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ. $n_2 = 24$ bác sĩ.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân điều trị ngoại trú: Tuổi, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn. Bác sĩ được phân công trực tiếp kê đơn tại khoa Khám bệnh: Tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, số năm công tác.

+ Tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý: Chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định và không hợp lý chung. Tiêu chí đánh giá không hợp lý là một đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường với chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định không đúng theo một trong ba tài liệu: Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc của nhà sản xuất hoặc, Dược thư Quốc gia 2018, hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu của Bộ Y tế.

+ Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý.

- Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu thu thập từ đơn thuốc ghi vào phiếu khảo sát và thống kê theo tần số và tỷ lệ phần trăm bằng SPSS 25.0. Phép kiểm chi bình phương được sử dụng để tìm mối liên hệ giữa hai hay nhiều biến phân loại. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p<0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung	Nữ		Nam		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Bệnh nhân						
Tuổi, giới tính:						
- ≤ 18 tuổi	83	28,4	45	15,411	128	43,8
- 18-25	58	20,2	32	8,9	91	31,2
- Trên 25 tuổi	47	16,1	26		73	25
Tổng cộng	189	64,7	103	35,3	292	100
Trình độ học vấn:						
- < lớp 12	140	47,9	88	30,1	228	78,1
- ≥ lớp 12	49	16,8	15	5,2	64	21,9
Tổng cộng	189	64,7	103	35,3	292	100
Bác sĩ kê đơn						
Nhóm tuổi:						
- < 40 tuổi	8	2,7	6	2,1	14	58,3
- ≥ 40 tuổi	5	1,7	5	1,7	10	41,7
Tổng cộng	13	4,4	11	3,8	24	100
Trình độ chuyên môn bác sĩ:						
- Đại học	9	3,1	5	1,7	15	62,5

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 62/2023

Đặc điểm chung	Nữ		Nam		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
- Sau đại học	4	1,3	6	2,1	9	37,5
Tổng cộng	13	4,4	11	3,8	24	100
Thời gian công tác:						
- ≤ 5 năm	10	3,4	7	2,4	17	70,8
- Trên 5 năm	3	3,0	4	1,4	7	29,2
Tổng cộng	13	4,4	11	3,8	24	100

Nhận xét: Bệnh nhân dưới 18 tuổi chiếm tỉ lệ cao (43,8%), trình độ học vấn dưới lớp 12 chiếm 78,1%, trong đó nam giới chiếm tỉ lệ 35,3% thấp hơn so với nữ giới chiếm 64,7%. Bác sĩ kê đơn, nhóm tuổi dưới 40 tuổi chiếm tỉ lệ đa số (58,3%), trình độ chuyên môn của bác sĩ đại học 62,5% và thời gian công tác ≤ 15 năm là 70,8%.

3.2. Tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý

Bảng 2. Tỉ lệ đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý theo khuyến cáo của nhà sản xuất, Dược thư Quốc gia 2018, phác đồ điều trị của BHYT.

Đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường	Số đơn thuốc	Tỉ lệ (%)
Chỉ định:		
Không hợp lý	25	8,6
Hợp lý	267	91,4
Tổng	292	100
Liều dùng:		
Không đủ liều	22	7,5
Quá liều	27	9,3
Đúng liều	243	83,2
Tổng	292	100
Số lần dùng:		
Không hợp lý	37	12,7
Hợp lý	255	81,3
Tổng	292	100
Thời điểm dùng:		
Không hợp lý	52	17,8
Hợp lý	240	82,2
Tổng	292	100
Chống chỉ định:		
Không hợp lý	16	5,5
Hợp lý	276	94,5
Tổng	292	100
Tỉ lệ kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý chung		
Không hợp lý	57	19,5
Hợp lý	235	80,5
Tổng	292	100

Nhận xét: Tỉ lệ kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý chung về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định chiếm tỉ lệ 19,5%.

3.3. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý

Bảng 3. Yếu tố liên quan giữa giới tính, trình độ chuyên môn và thời gian công tác của bác sĩ đến việc kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý.

Đặc điểm		Tính hợp lý của đơn thuốc			OR (KTC 95%)	p
		Không hợp lý (n, %)	Hợp lý (n, %)	Tổng		
Giới	Nam	29		29	0,899 (0,487-1,657)	0,733
	Nữ	(21,2%)	108	(21,2%)		
Tuổi	< 40	27 (18,1%)	122 (81,9%)	149	0,834 0,67-1,488	0,538
	≥ 40	30 (20,9%)	113 (79,1%)	143 (100%)		
Trình độ	Bác sĩ đa khoa	58 (31%)	129 (69%)	187	2,052 (1,118-3,765)	0,02
	Bác sĩ sau đại học	33 (15,5%)	180 (84,5%)	213		
Số năm công tác	≤ 5 năm	64 (24,1%)	202 (75,9)	266	1,930 (1,058-3,521)	0,032
	Trên 5 năm	31 (23,1%)	103 (76,9)	134		

Nhận xét: Bác sĩ trình độ chuyên môn đại học có tỉ lệ đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý cao hơn so với bác sĩ trình độ chuyên môn sau đại học, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p=0,02$). Đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý của bác sĩ có thời gian công tác ≤ 5 năm cao hơn đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường của bác sĩ có công tác > 5 năm với $p=0,032$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

- Đặc điểm bệnh nhân: Về giới tính, kết quả từ bảng 1 cho thấy tỉ lệ nam chiếm 35,3%, nữ chiếm 64,7%, kết quả tương đồng với kết quả của Đào Duy Thanh (2021) [4]: Tỉ lệ nữ (38,2%) nhiều hơn nam (61,8%), Theo kết quả nghiên cứu của Trịnh Tiến Thành (2019) [3] là nam 39,8%, nữ 60,2%; Phạm Thị Bích Na (2022) [5]: Nữ gấp 1,3 lần nam). Theo Kelly A.P và cộng sự (2018) [1] thì bệnh trứng cá thông thường đều gặp chủ yếu ở tuổi trẻ và ở nữ nhiều hơn nam, kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu. Về tuổi, trong tổng số 292 đơn thuốc được lựa chọn vào nghiên cứu, nhóm bệnh nhân < 18 tuổi chiếm đa số (43,8%). Trong nhóm tuổi này, tỉ lệ ở nữ 28,4% cao hơn nam 15,4%. Tương tự với một báo cáo trước đây của Goulden V., (2007): Có gần 1/3 phụ nữ Mỹ trong độ tuổi từ 20-50, đặc biệt giữa tuổi 20-30 có xuất hiện một dạng rất nhẹ của trứng cá mụn mủ [7]. Tỉ lệ bệnh nhân mắc bệnh trứng cá phần lớn xuất hiện ở những người có trình độ học vấn dưới lớp 12 (78,1%). Kết quả khá tương đồng với các nghiên cứu của Trịnh Tiến Thành, năm 2019 [3]. Số liệu trên có thể được lý giải bởi sự chi phối của trình độ học vấn, sự hiểu biết có ý nghĩa trong thái độ chăm sóc da và làm đẹp.

- Đặc điểm bác sĩ kê đơn: Về giới tính, kết quả bảng 1 cho thấy có 24 bác sĩ được phân công trực tiếp khám bệnh tại khoa khám được khảo sát trong đó giới tính nữ nhiều hơn nam, trong đó cán bộ nữ giới chiếm 54,2% và nam giới chiếm 45,8%. Kết quả này cho thấy phù

hợp với đặc thù của ngành y tế hiện nay. Tuy nhiên, đây sẽ là khó khăn nguồn nhân lực vì nhiều lý do như: Nữ giới thường xuyên bận rộn công việc gia đình chăm lo con cái nhiều hơn nam giới hoặc do kinh tế, tuổi... Về tuổi của nhóm bác sĩ dưới 40 tuổi chiếm đa số (58,3%). Nhóm bác sĩ ≥ 40 tuổi chiếm tỉ lệ 41,7%, kết quả khá tương đồng với các nghiên cứu của Phạm Thị Bích Na, năm 2022 [5]. Đây cũng là thuận lợi trong công tác chuyên môn với nhiều năm tích lũy kinh nghiệm và gắn bó ở bệnh viện nói chung và khoa khám bệnh nói riêng.

4.2. Tỉ lệ sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý

Kết quả nghiên cứu ở bảng 2 cho thấy về tổng hợp việc kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định theo thứ tự ưu tiên, bao gồm: Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc, Dược thư Quốc gia 2018 và Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế chiếm tỉ lệ 19,5%. Tổng hợp việc kê đơn điều trị bệnh trứng cá thông thường hợp lý về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định chiếm tỉ lệ 80,5%.

Nếu tính chung trên cùng một đơn thuốc, bệnh nhân sử dụng điều trị bệnh trứng cá thông thường hợp lý theo các tiêu chí: Chỉ định đúng, đủ liều dùng, đúng chống chỉ định và số lần dùng, thời điểm dùng thì nghiên cứu chúng tôi chỉ đạt 80,5% và không hợp lý 19,5%. Tỉ lệ này theo chúng tôi là còn cao và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe bệnh nhân vì tính sử dụng rộng rãi và tác dụng không mong muốn của 19,5% khá nhiều. Điều này, có lẽ do thói quen của người kê đơn, hoặc do sự kết hợp nhiều thuốc trong một đơn nhưng ít quan tâm nội dung sử dụng thuốc trong thông tin thuốc. Mặt khác, trong quá trình điều trị chưa đạt hiệu quả như mong muốn, thầy thuốc tăng liều hoặc kết hợp thuốc không hợp lý giữa một loại kháng sinh với một loại thuốc khác. Ngoài ra, thị trường thuốc kháng sinh đa dạng về bào chế, chủng loại... gây khó khăn trong sự lựa chọn thuốc điều trị cho bệnh nhân, dẫn đến kê đơn không hợp lý an toàn về chỉ định, liều dùng, chống chỉ định và cách dùng.

So sánh lại các tiêu chí của nghiên cứu với nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thị Hiền (2020) [8], chúng tôi nhận thấy về yếu tố chỉ định đúng và liều dùng hợp lý, tỉ lệ của nghiên cứu chúng tôi cao hơn. Nguyên nhân có thể vì Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ thời điểm nghiên cứu hiện nay là nơi tập trung đội ngũ bác sĩ có chuyên môn kỹ thuật cao, tiếp cận được với những thông tin khoa học mới, nên ra chỉ định và chọn liều dùng ít gặp sai sót về chuyên môn hơn.

4.3. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý

Kết quả nghiên cứu ở bảng 3 cho thấy không có sự khác biệt về kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý với giới tính, tuổi của bác sĩ kê đơn ($p>0,05$). Tỉ lệ kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định chiếm tỉ lệ 24,7% khi bác sĩ kê đơn có trình độ chuyên môn là đại học, tỉ lệ này là 13,8% khi bác sĩ kê đơn có trình độ chuyên môn là sau đại học, có mối liên quan giữa trình độ chuyên môn với kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định và sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$. Kết quả này khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Hồng (2018) [9] với tỉ lệ đơn thuốc có chỉ định thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý về chỉ định, liều dùng và chống chỉ định, cách dùng chiếm 18,5% đối với bác sĩ kê đơn có trình độ chuyên môn sau đại học. Như vậy phát hiện mối liên quan giữa bác sĩ kê đơn có trình độ chuyên môn là sau đại học với kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường, đây là yếu tố rất quan trọng để thực hiện các biện

pháp học tập nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ y tế nói chung, bác sĩ nói riêng tại cơ sở điều trị là rất cần thiết. Xác định mối liên quan giữa thời gian công tác của bác sĩ kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường hợp lý về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định ở các khoảng thời gian công tác có sự chênh lệch và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,032$. Ở khoảng thời gian công tác > 5 năm với tỉ lệ bác sĩ kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường hợp lý chiếm tỉ lệ cao hơn (85,7%) so với nhóm bác sĩ có thời gian công tác ≤ 5 năm (75,7%). Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Trịnh Tiến Thành và cộng sự [3] trong một nghiên cứu tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2018-2019 cho rằng bác sĩ có thâm niên công tác dưới 5 năm thì kê đơn thuốc nhiều sai sót hơn. Điều này cho thấy bác sĩ có thâm niên công tác lâu năm có ưu điểm là nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn. Những bác sĩ trẻ tuổi có cơ hội học tập, cập nhật hướng dẫn điều trị thường xuyên hơn và ít tham gia quản lý thêm các phòng ban mà chỉ tập trung vào công tác chuyên môn cũng là điều kiện thuận lợi phát triển nâng cao trình độ chuyên môn và hy vọng sẽ cải thiện việc kê đơn thuốc hợp lý hơn. Tuy nhiên, để hoàn thành tốt nhiệm vụ và đảm bảo mọi thao tác khám chữa bệnh cho người bệnh, giảm thiểu sai sót, đòi hỏi nhân viên y tế phải tăng cường thời gian thực hành, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu rất nhiều nhằm nâng cao chất lượng điều trị.

V. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 292 đơn thuốc của bệnh nhân được chẩn đoán xác định là mắc bệnh trứng cá thông thường đến khám và điều trị tại Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ đã cung cấp nhận định chung về chỉ định, liều dùng, số lần dùng, thời điểm dùng thuốc và chống chỉ định không hợp lý theo quy định của Bộ Y tế còn chiếm tỉ lệ khá cao với 19,5%. Tìm thấy mối liên quan giữa trình độ chuyên môn và thời gian công tác đến việc kê đơn thuốc điều trị bệnh trứng cá thông thường không hợp lý. Do đó, cần tăng cường hoạt động Dược lâm sàng tại bệnh viện, bao gồm cung cấp thông tin thuốc, tư vấn bác sĩ lựa chọn thuốc điều trị hợp lý là vấn đề hết sức quan trọng đối với hiệu quả điều trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kelly A.P. Acne and related disorders, Principles and Practice of Dermatology, 2nd, 2018. 801 – 818.
2. Habif T.P. Therapeutic agents for treatment of acne, *Clinical Dermatology*, Mosby. 2010. 235- 246.
3. Trịnh Tiến Thành, Huỳnh Văn Bá, Trần Đăng Quyết. Đặc điểm lâm sàng và sử dụng thuốc điều trị bệnh nhân trứng cá thông thường đến khám và điều trị tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2018-2019. *Tạp Chí Y học Việt Nam*. 2019. 505(1).
4. Đào Duy Thanh. Nghiên cứu mụn trứng cá thông thường bằng phương pháp bôi Fob 10-lotion tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm 2019-2020, *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 2021. số 34, 29-35.
5. Phạm Thị Bích Na. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và đặc điểm lâm sàng bệnh trứng cá thông thường tại Bệnh viện Da liễu Thành phố Hồ Chí Minh, *Journal of 108 - clinical medicine and pharmacy*. 2022. 17(4).
6. Arnold H.L., Odom R.B. James W.D. Acne, Disease of skin, WB. Saunders company, 2020. 250-267.
7. Goulden V., Clark S.M., Cunliffe W.J. Post adolescent acne: A review of clinical features, *Br-J-Dermatol, England*. 2007. 136(1), 66-70.
8. Nguyễn Thị Hiền. Nghiên cứu độc tính và hiệu quả của acneca trong điều trị bệnh trứng cá thông thường, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội. 2020.
9. Nguyễn Thị Minh Hồng. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường bằng Vitamin A tại Viện Da liễu Quốc Gia, Đại học Y Hà Nội. 2018.